

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26

1250
NG
TRIỆM
LOI
ET N
A - T

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hiến	Chủ tịch
Bà Hồ Thị Minh Hòa	Thành viên
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Ông Phạm Văn Quý	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Tú	Giám đốc
Ông Trương Đình Thanh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Thiệp	Phó Giám đốc
Ông Cao Vĩnh Hậu	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *[Chữ ký]*



Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Số: 445 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

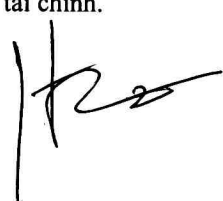
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.386.677.666	66.772.907.261
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.501.430.150	9.257.230.802
1. Tiền	111		4.501.430.150	730.564.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.526.666.667
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.694.044.645	39.124.005.467
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.093.164.085	38.097.261.462
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		742.781.088	790.712.933
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.858.099.472	236.031.072
III. Hàng tồn kho	140	8	35.712.587.633	17.488.643.696
1. Hàng tồn kho	141		35.712.587.633	17.488.643.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.478.615.238	903.027.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.478.615.238	680.263.831
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	222.763.465
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.116.343.537	42.635.770.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		40.221.868.095	40.665.847.300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	40.221.868.095	40.665.847.300
- Nguyên giá	222		91.662.209.545	85.425.718.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.440.341.450)	(44.759.871.520)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	389.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(389.242.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		276.645.520	331.683.577
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		276.645.520	331.683.577
IV. Tài sản dài hạn khác	260		614.829.922	1.635.239.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		614.829.922	1.635.239.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		124.503.021.203	109.408.677.670

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.621.461.339	49.082.480.203
I. Nợ ngắn hạn	310		59.855.835.578	47.776.582.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	13.766.714.281	10.317.666.820
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		591.273.454	961.449.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	716.339.860	572.753.412
4. Phải trả người lao động	314		5.110.435.300	4.787.767.024
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.125.134.002	1.251.582.175
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.966.700	21.747.446
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.432.831.118	695.052.722
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	33.703.327.435	28.544.412.889
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.384.813.428	624.151.198
II. Nợ dài hạn	330		1.765.625.761	1.305.897.417
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12	1.674.007.324	1.125.866.779
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		91.618.437	180.030.638
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.881.559.864	60.326.197.467
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	62.881.559.864	60.326.197.467
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.702.789.696	4.702.789.696
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.294.813.521	3.259.319.938
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.883.956.647	10.364.087.833
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		170.847.458	186.619.915
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.713.109.189	10.177.467.918
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		124.503.021.203	109.408.677.670


Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2016


Cao Vinh Hậu
Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2015	2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	294.832.481.955	228.494.154.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	39.373.576
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	294.832.481.955	228.454.780.484
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	253.215.984.891	190.702.469.172
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.616.497.064	37.752.311.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		670.302.817	687.222.454
7. Chi phí tài chính	22		2.925.126.827	2.331.454.934
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.647.947.276	2.289.370.801
8. Chi phí bán hàng	25	18	8.094.253.953	6.216.191.279
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	18.881.718.279	18.183.389.748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		12.385.700.822	11.708.497.805
11. Thu nhập khác	31		464.578.971	70.194.635
12. Chi phí khác	32		187.173.506	37.610.394
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		277.405.465	32.584.241
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.663.106.287	11.741.082.046
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	1.549.997.098	1.563.614.128
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		11.113.109.189	10.177.467.918
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	2.249	2.181


Phạm Thị Thúy Hằng
 Người lập biểu


Cao Vĩnh Hậu
 Kế toán trưởng



Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

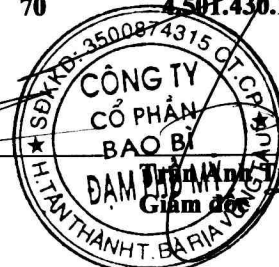
MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.663.106.287	11.741.082.046
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.680.469.930	9.015.844.628
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(40.295.589)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(175.644.236)	(596.881.585)
Chi phí lãi vay	06	2.647.947.276	2.289.370.801
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.815.879.257	22.409.120.301
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(2.347.275.713)	1.388.460.520
(Tăng) hàng tồn kho	10	(18.223.943.937)	(1.854.697.555)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.130.574.479	(14.629.433.769)
Giảm chi phí trả trước	12	222.058.203	2.270.876.754
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.690.431.259)	(2.375.374.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.566.823.779)	(2.302.342.529)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.235.927.276	4.350.007.873
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.893.011.838)	(7.206.827.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.682.952.689	2.049.789.706
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.181.452.668)	(4.624.181.986)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	175.644.236	596.881.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.005.808.432)	(4.027.300.401)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	140.978.994.942	108.708.381.438
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(135.271.939.851)	(102.045.291.899)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.140.000.000)	(6.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.432.944.909)	363.089.539
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.755.800.652)	(1.614.421.156)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.257.230.802	10.871.651.958
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.501.430.150	9.257.230.802


Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu


Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng



Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 9 năm 2015 với mã chứng khoán là PMP.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 445 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 395).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán phân bón các loại; Mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ; Vận tải bằng ô tô; Mua bán vật tư thiết bị ngành công nghiệp; Mua bán giấy vớ, bì các tông, văn phòng phẩm; Cho thuê kho bãi; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu (Tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, hoặc chi phí mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản này đã được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt của pháp luật.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là hệ thống mạng máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Hệ thống mạng máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và các chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2004) và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những năm tiếp theo. Năm 2015 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	44.141.288	178.174.161
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.457.288.862	552.389.974
Các khoản tương đương tiền	-	8.526.666.667
	<u>4.501.430.150</u>	<u>9.257.230.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Viky	13.556.245.902	2.000.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.061.506.000	1.835.945.100
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	4.456.522.800	3.914.556.000
Chi nhánh phía nam Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	1.049.400.000	7.539.400.000
Công ty Cổ phần Xi măng FICO Tây Ninh	-	7.868.310.090
Goodplast United PTE Ltd	-	4.059.658.516
Các khách hàng khác	12.969.489.383	10.879.391.756
	38.093.164.085	38.097.261.462
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	10.518.028.800	5.750.501.100

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền mua cổ phần	1.054.186.900	-
Tạm ứng cho người lao động	1.063.942.551	96.524.800
Khác	739.970.021	139.506.272
	2.858.099.472	236.031.072
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
	3.000.000	3.000.000

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	18.100.200	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.644.416.883	-	6.828.796.716	-
Công cụ, dụng cụ	171.214.227	-	135.671.313	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.449.446.201	-	7.604.701.157	-
Thành phẩm	2.414.511.253	-	2.904.346.061	-
Hàng hoá	14.898.869	-	15.128.449	-
Cộng	35.712.587.633	-	17.488.643.696	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	28.317.229.137	55.578.282.676	1.400.728.931	129.478.076	85.425.718.820
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.340.779.094	-	-	-	2.340.779.094
Mua sắm mới	-	3.895.711.631	-	-	3.895.711.631
Phân loại lại	-	(33.700.000)	33.700.000	-	-
Tại ngày 31/12/2015	30.658.008.231	59.440.294.307	1.434.428.931	129.478.076	91.662.209.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	8.752.074.563	34.970.144.746	908.174.135	129.478.076	44.759.871.520
Trích khấu hao trong năm	2.122.950.505	4.368.502.724	189.016.701	-	6.680.469.930
Phân loại lại	-	(6.518.410)	6.518.410	-	-
Tại ngày 31/12/2015	10.875.025.068	39.332.129.060	1.103.709.246	129.478.076	51.440.341.450
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	19.782.983.163	20.108.165.247	330.719.685	-	40.221.868.095
Tại ngày 31/12/2014	19.565.154.574	20.608.137.930	492.554.796	-	40.665.847.300

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 31.376.867.591 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.943.781.553 đồng).

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	1.758.350.000	1.758.350.000	2.067.500.000	2.067.500.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức	1.508.923.900	1.508.923.900	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Ý	824.003.400	824.003.400	1.172.113.250	1.172.113.250
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thái Anh	-	-	2.837.983.440	2.837.983.440
Các nhà cung cấp khác	9.675.436.981	9.675.436.981	4.240.070.130	4.240.070.130
	13.766.714.281	13.766.714.281	10.317.666.820	10.317.666.820
Phải trả người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	343.925.000	343.925.000	351.533.727	351.533.727

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp	Trong năm		Phải nộp
	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.718.710.477	4.589.765.825	128.944.652
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.082.063.578	9.082.063.578	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.064.292.151	1.064.292.151	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	512.251.932	1.549.997.098	1.566.823.779	495.425.251
Thuế thu nhập cá nhân	35.679.121	483.631.060	460.387.012	58.923.169
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.594.060	5.594.060	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	24.822.359	33.046.788	24.822.359	33.046.788
Các loại thuế khác	-	23.025.329	23.025.329	-
Cộng	572.753.412	16.964.360.541	16.820.774.093	716.339.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	23.116.322.053	23.116.322.053	124.757.420.617	115.038.062.411	32.835.680.259	32.835.680.259
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	5.308.574.700	5.308.574.700	4.461.660.225	9.770.234.925	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	11.759.914.100	9.218.259.600	2.541.654.500	2.541.654.500
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.245.382.915	1.245.382.915	-	1.245.382.915	-	-
Cộng	29.670.279.668	29.670.279.668	140.978.994.942	135.271.939.851	35.377.334.759	35.377.334.759

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng 33.703.327.435
 Số phải trả sau 12 tháng 1.674.007.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:**

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2012/DPMP-HĐHM với hạn mức cho vay là 45 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tiền lãi phải trả từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 29.593.488.261 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 08 tháng 4 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc, thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 996.315.498 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 12 tháng 12 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 119.840 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền nhập khẩu máy in theo phương thức thư tín dụng cho Pea Shinn Engineering Co., Ltd theo Hợp đồng số 80/DPMP-Peashinn/2014 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất huy động tiết kiệm tiền gửi 12 tháng, trả lãi sau theo thông báo của ngân hàng +2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản bên vay đã thế chấp tại Ngân hàng. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.245.876.500 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 58.15.553.895699.TD ngày 25 tháng 6 năm 2015 với Ngân hàng Thương mại TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu có hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng, thời hạn cho vay tối đa đến ngày 31 tháng 5 năm 2016, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC/bảo lãnh và chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng trong giai đoạn 2015-2016. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Quân Đội; kỳ tính lãi sẽ được quy định trên từng văn bản nhận nợ. Khoản vay này không có thế chấp. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.541.654.500 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Giá trị</u> VND	<u>Giá trị</u> VND
Trong vòng một năm	1.568.184.674	1.780.041.966
Trong năm thứ hai	1.207.960.799	793.761.613
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	466.046.525	332.105.166
Sau năm năm	-	-
	3.242.191.998	2.905.908.745
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.568.184.674	1.780.041.966
Số phải trả sau 12 tháng	1.674.007.324	1.125.866.779

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp	Vốn khác	Quỹ đầu tư	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	của chủ sở hữu	thuộc chủ sở hữu	phát triển	thuộc chủ sở hữu	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	42.000.000.000	1.917.981.648	4.053.600.577	1.990.527.409	5.877.982.715	55.840.092.349
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.177.467.918	10.177.467.918
Kết chuyển nguồn đầu tư TSCĐ	-	2.784.808.048	(2.784.808.048)	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	(5.750.262.400)	(5.750.262.400)
Tặng khác	-	-	-	-	58.899.600	58.899.600
Số dư tại ngày 31/12/2014	42.000.000.000	4.702.789.696	1.268.792.529	1.990.527.409	10.364.087.833	60.326.197.467
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	1.990.527.409	(1.990.527.409)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	42.000.000.000	4.702.789.696	3.259.319.938	-	10.364.087.833	60.326.197.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.113.109.189	11.113.109.189
Trích lập các quỹ	-	-	2.035.493.583	-	(2.035.493.583)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.417.746.792)	(1.417.746.792)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(7.140.000.000)	(7.140.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	42.000.000.000	4.702.789.696	5.294.813.521	-	10.883.956.647	62.881.559.864

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015, cổ tức năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 7.140.000.000 đồng. Trong năm 2015, Công ty đã chia toàn bộ số cổ tức được phê duyệt cho các cổ đông. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến năm 2015 là 18% vốn điều lệ.

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014
	VND	%	Giá trị VND	Giá trị VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.410.000.000	50,98%	18.203.000.000	21.410.000.000
Công ty TNHH Hương Phong	20.580.000.000	49,00%	16.800.000.000	20.580.000.000
Ông Võ Ngọc Chuyên	10.000.000	0,02%	10.000.000	10.000.000
Các cổ đông khác	-	0,00%	6.987.000.000	-
	42.000.000.000	100%	42.000.000.000	42.000.000.000

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ thông tin về doanh thu, chi phí được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 16.

Trong năm, các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở Việt Nam, doanh thu từ hoạt động xuất khẩu không đáng kể.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	215.276.969.207	208.213.748.198
Doanh thu bán hàng hóa	77.831.458.532	19.361.061.772
Doanh thu khác	1.724.054.216	919.344.090
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.832.481.955	228.494.154.060
Giảm giá hàng bán	-	(39.373.576)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.832.481.955	228.454.780.484
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	85.526.545.290	75.017.089.218

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	176.294.315.450	170.702.122.532
Giá vốn bán hàng hóa	75.284.489.843	19.081.002.549
Giá vốn khác	1.637.179.598	919.344.091
	253.215.984.891	190.702.469.172

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.075.996.139	144.434.380.691
Chi phí nhân công	11.680.684.382	32.308.278.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.680.469.930	9.015.844.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.104.094.003	23.528.486.078
Chi phí khác bằng tiền	1.591.445.678	5.063.912.813
	214.132.690.132	214.350.902.737

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.532.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.775.726.341	5.980.885.572
Chi phí bằng tiền khác	318.527.612	233.772.708
	8.094.253.953	6.216.191.279
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.974.632.162	8.106.199.012
Chi phí đồ dùng văn phòng	677.280.083	925.926.282
Chi phí khấu hao TSCĐ	675.622.508	791.891.656
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	7.400.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.268.174.551	6.851.808.740
Chi phí bằng tiền khác	1.282.008.975	1.500.164.058
	18.881.718.279	18.183.389.748

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.663.106.287	11.741.082.046
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.064.413.057	1.430.363.442
Thu nhập chịu thuế	13.727.519.344	13.171.445.488
Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi	13.364.155.982	12.128.217.082
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	363.363.362	1.043.228.406
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.020.054.256	2.897.718.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	1.470.057.158	1.334.103.879
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.549.997.098	1.563.614.128

(*) Công ty được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những năm tiếp theo. Năm 2015 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.113.109.189	10.177.467.918
- Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(1.666.966.378)	(1.017.746.792)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.446.142.811	9.159.721.126
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.249	2.181

21. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.602.375.000	1.851.928.965

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.859.550.000	1.763.850.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.438.200.000	8.819.250.000
Sau năm năm	50.207.850.000	47.623.950.000
	59.505.600.000	58.207.050.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải trả cho việc thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 4 năm 2013, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m² tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.377.334.759	29.670.279.668
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.501.430.150	9.257.230.802
Nợ thuần	30.875.904.609	20.413.048.866
Vốn chủ sở hữu	62.881.559.864	60.326.197.467
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,49	0,34

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Phân loại lại)
		VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.501.430.150	9.257.230.802
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.836.134.106	38.239.767.734
Tổng cộng	43.337.564.256	47.496.998.536
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.377.334.759	29.670.279.668
Phải trả người bán và phải trả khác	15.055.735.177	10.728.525.143
Chi phí phải trả	1.125.134.002	1.251.582.175
Tổng cộng	51.558.203.938	41.650.386.986

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 707.546.695 đồng (năm 2014: 593.405.593 đồng).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	200	(707.546.695)
VND	(200)	707.546.695
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(593.405.593)
VND	(200)	593.405.593

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.501.430.150	-	4.501.430.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.833.134.106	3.000.000	38.836.134.106
Tổng cộng	43.334.564.256	3.000.000	43.337.564.256
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	33.703.327.435	1.674.007.324	35.377.334.759
Phải trả người bán và phải trả khác	15.055.735.177	-	15.055.735.177
Chi phí phải trả	1.125.134.002	-	1.125.134.002
Tổng cộng	49.884.196.614	1.674.007.324	51.558.203.938
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.549.632.358)	(1.671.007.324)	(8.220.639.682)
31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.257.230.802	-	9.257.230.802
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.236.767.734	3.000.000	38.239.767.734
Tổng cộng	47.493.998.536	3.000.000	47.496.998.536
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	28.544.412.889	1.125.866.779	29.670.279.668
Phải trả người bán và phải trả khác	10.728.525.143	-	10.728.525.143
Chi phí phải trả	1.251.582.175	-	1.251.582.175
Tổng cộng	40.524.520.207	1.125.866.779	41.650.386.986
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.969.478.329	(1.122.866.779)	5.846.611.550

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Đơn vị phụ thuộc của Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	848.868.744	818.715.700
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	51.214.995.100	54.771.810.388
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	32.564.208.700	18.194.303.130
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	87.700.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	313.560.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	84.600.000	-
Công ty TNHH Hương Phong	813.872.746	831.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	17.841.150	56.937.860
Công ty TNHH Hương Phong	2.208.535.000	731.550.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	4.456.522.800	3.914.556.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.061.506.000	1.835.945.100
	<u>10.518.028.800</u>	<u>5.750.501.100</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	19.718.727
Công ty TNHH Hương Phong	343.925.000	331.815.000
	<u>343.925.000</u>	<u>351.533.727</u>

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.741.539.736	1.393.203.538

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất bao Jumbo giai đoạn 3 với tổng mức đầu tư là 26.540.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của Dự án là 240 ngày kể từ khi Dự án được phê duyệt. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 224.221.724 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸKhu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chi tiêu	Mã số	Giá trị (VND)	Tên chi tiêu	Mã số	Giá trị (VND)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Các khoản phải thu khác	135	139.506.272	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	236.031.072	Trình bày lại, đổi mã số và đổi tên
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	96.524.800	2. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	- Trình bày lại, đổi mã số
3. Phải thu dài hạn khác	218	-	3. Phải thu dài hạn khác	216	3.000.000	Trình bày lại, đổi mã số
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	331.683.577	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	331.683.577	Đổi mã số
5. Tài sản dài hạn khác	268	3.000.000	5. Tài sản dài hạn khác	268	-	- Trình bày lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	28.544.412.889	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28.544.412.889	Đổi tên và đổi mã số
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	21.747.446	2. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21.747.446	Đổi tên và đổi mã số
3. Vay và nợ dài hạn	334	1.125.866.779	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.125.866.779	Đổi tên và đổi mã số
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.268.792.529	4. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.259.319.938	Trình bày lại, đổi mã số
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.990.527.409	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	- Trình bày lại, đổi mã số

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 70 2423

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 70 2.181 Thay đổi phương pháp tính


Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2016


Cao Vinh Hậu
Kế toán trưởngPhạm Anh Tú
Giám đốc